

Số: 274 /QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp thẻ đánh giá viên kỹ năng nghề quốc gia cho 163 người đã tham dự các lớp đào tạo về nghiệp vụ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong năm 2017, đủ điều kiện ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc 1, bậc 2 và bậc 3 của 21 nghề (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và những người có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCGDNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quân

**DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ ĐÁNH GIÁ VIÊN
KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-LĐTĐ ngày tháng năm 201
của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội)

1. Nghề Cắt gọt kim loại (Phay).

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
1	Tô Tiến Long	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	011682285	1,2,3
2	Trương Văn Lương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013505019	1,2,3
3	Hoàng Văn Nam	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	017509783	1,2,3
4	Nguyễn Văn Dư	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330057790	1,2,3
5	Tạ Tấn Lực	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330740021	1,2,3
6	Trần Công Hải	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330728353	1,2,3
7	Huỳnh Thanh Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	311679718	1,2,3

2. Nghề Cắt gọt kim loại (Tiện).

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
8	Phan Tiến Việt	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001067002828	1,2,3
9	Trần Ngọc Tân	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	024082000006	1,2,3
10	Vũ Văn Khiêm	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	012807915	1,2,3
11	Nguyễn Nhật Tân	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	026074001483	1,2,3
12	Nguyễn Tiến Quyết	Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội	012957970	1,2,3
13	Nguyễn Minh Sang	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331261371	1,2,3
14	Phạm Hoàng Anh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331372728	1,2,3

3. Cắt gọt kim loại trên máy CNC.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
15	Hoàng Tiến Dũng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001080018633	1,2,3
16	Nguyễn Anh Thắng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	012504598	1,2,3
17	Kiều Văn Quảng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001080003370	1,2,3
18	Hoàng Xuân Thịnh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	040079000018	1,2,3
19	Cao Thế Anh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013330193	1,2,3
20	Lê Sơn Cường	Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ	013574051	1,2,3
21	Lê Quang Lâm	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	026069000004	1,2,3
22	Nguyễn Quốc Thanh	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025700560	1,2,3
23	Trương Thị Ngọc Loan	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024696154	1,2,3
24	Nguyễn Văn Hiếu	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025698267	1,2,3
25	Vy Hải Diễm	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	023348771	1,2,3
26	Trần Đình Đăng	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kỹ thuật KCV	024963237	1,2,3
27	Lê Xuân Long	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	038082005992	1,2,3
28	Phan Mạnh Hoàng	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ MTS Việt Nam	191535506	1,2,3
29	Trần Hữu Danh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331255613	1,2,3
30	Lê Hoàng Anh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331369735	1,2,3

4. Nghề Cơ điện tử.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
31	Trần Vĩnh Phúc	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331585028	1
32	Nguyễn Thiện Nhựt	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331608454	1
33	Bùi Thanh Lâm	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013216395	1,2,3
34	Phan Đình Hiếu	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	027083000340	1,2,3
35	Lê Ngọc Duy	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	0370086001181	1,2,3
36	Bùi Ngọc An	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025183632	1,2,3
37	Nguyễn Ngọc Linh	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	320934563	1,2,3
38	Bùi Quang Hòa	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025172230	1,2,3
39	Nguyễn Tấn Nô	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	341371735	1,2,3
40	Lê Hữu Toàn	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331582428	1,2,3

5. Công nghệ ô tô.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
41	Nguyễn Tuấn Nghĩa	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001080004174	1,2,3
42	Chu Đức Hùng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	019083000025	1,2,3
43	Nguyễn Văn Toàn	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch Công nghệ Việt	011781226	1,2,3
44	Đỗ Ngọc Thịnh	Trường Cao đẳng nghề Yên Bái	060672149	1,2,3
45	Dương Thế Anh	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111285861	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
46	Phạm Đức Toàn	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	001081019245	1,2,3
47	Nguyễn Thịnh	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111867672	1,2,3
48	Phan Thanh Nam	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thiên Trường	112184946	1,2,3
49	Lê Thanh Nhân	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	311716490	1,2,3
50	Phạm Thanh Đường	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	021772952	1,2,3
51	Đỗ Văn Tập	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	162464795	1,2,3
52	Ngô Văn Thận	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	034081005437	1,2,3
53	Huỳnh Diệp Ngọc Long	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024108376	1,2,3
54	Trần Văn Lợi	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cơ khí ô tô Thăng Lợi	025925162	1,2,3

6. Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm).

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
55	Nguyễn Thị Mỹ Nga	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331588436	1
56	Lê Thị Hoàng Yến	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331530601	1
57	Phạm Văn Hiệp	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001076014081	1,2,3
58	Nguyễn Trung Phú	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	012162648	1,2,3
59	Trần Ngọc Dân	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025798451	1,2,3
60	Trần Thị Diễm	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024258404	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
61	Võ Nguyễn Đăng Quang	Công ty TNHH Một thành viên Tin học ứng dụng Đăng Quang	225140444	1,2,3
62	Phan Anh Cang	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331166021	1,2,3
63	Nguyễn Vạn Năng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331512157	1,2,3

7. Nghề Cốp pha - Giàn giáo.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
64	Tạ Nhật Huy	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	212210524	1,2,3
65	Nguyễn Hữu Dưỡng	Công ty Cổ phần Xây dựng LAV- ENDER GARDEN	025004916	1,2,3

8. Nghề Điện công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
66	Vũ Hữu Thích	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013395255	1,2,3
67	Nguyễn Đức Khoa	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Phúc Lâm	027077000165	1,2,3
68	Nguyễn Đỗ Quang Duy	Công ty Cổ phần Công nghệ CMD Việt Nam	013534515	1,2,3
69	Tạ Quang Huy	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	001080002566	1,2,3
70	Dương Thị Lan Anh	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	001180008014	1,2,3
71	Nguyễn Thị Thủy	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	112106286	1,2,3
72	Bùi Văn Hưng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025242448	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
73	Dương Thị Hồng Nga	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025700561	1,2,3
74	Trần Vĩnh Duy	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	260739381	1,2,3
75	Đỗ Ngọc Minh	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	030078003550	1,2,3
76	Hà Văn Du	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024854192	1,2,3
77	Nguyễn Thị Phương Quỳnh	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	023883550	1,2,3
78	Nguyễn Thành Đoàn	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	221018074	1,2,3
79	Nguyễn Tám	Công ty TNHH Kỹ thuật tự động An Thịnh Phát	051078000109	1,2,3
80	Nguyễn Văn Minh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330992716	1,2,3
81	Nguyễn Xuân Vinh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331253708	1,2,3
82	Nguyễn Đức Thành	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331679303	1,2,3
83	Nguyễn Minh Hùng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331866352	1,2,3
84	Nguyễn Tiến Hưng	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	163228167	1,2,3

9. Nghề Điện tử công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
85	Nguyễn Viết Tuyến	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	111279110	1,2,3
86	Nguyễn Ngọc Anh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001077000163	1,2,3
87	Nguyễn Tiến Kiệt	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	011836627	1,2,3
88	Nguyễn Thanh Hà	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	011905122	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
89	Mai Thị Bích Vân	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025215963	1,2,3
90	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024831680	1,2,3
91	Đỗ Đình Na	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	036066001314	1,2,3
92	Trần Thị Thoa	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025701573	1,2,3
93	Phạm Nguyên Lâm	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nam Thiên Long	070079000004	1,2,3
94	Nguyễn Toàn Tri	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330986163	1,2,3
95	Võ Hoàng Tâm	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331223026	1,2,3
96	Lê Thị Kiều Mai	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331406529	1,2,3
97	Đặng Thành Tựu	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331248735	1,2,3
98	Lương Hoài Thương	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331573186	1,2,3

10. Nghề Hàn.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
99	Nguyễn Văn Trường	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải 3	044078000	1
100	Đinh Thành Viên	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thiên Tân	023554064	1,2
101	Đặng Tiến Hiếu	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	001078006170	1,2,3
102	Đàm Quang Hưng	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	271793913	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
103	Nguyễn Văn Khanh	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam - Hàn Quốc Thành phố Hà Nội	013230905	1,2,3
104	Trần Viết Phú	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024998067	1,2,3
105	Trần Minh Hoàng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	311665448	1,2,3
106	Nguyễn Văn Thăng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	183715469	1,2,3
107	Phan Miêng	Phân hội khoa học Hàn Tp. Hồ Chí Minh	024549094	1,2,3
108	Nguyễn Hữu Long	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331796636	1,2,3
109	Mai Đăng Tuấn	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331711830	1,2,3
110	Vũ Văn Đạt	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	162627634	1,2,3

11. Nghề May công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
111	Phạm Thị Thơ	Công ty Cổ phần SCAVI	025672650	1,2
112	Nguyễn Thị Sinh	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013019501	1,2,3
113	Đinh Mai Hương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	111342644	1,2,3
114	Phạm Thị Quỳnh Hương	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	035173000037	1,2,3
115	Tăng Thị Như Hà	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024877840	1,2,3
116	Nguyễn Ngọc Châu	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	023344747	1,2,3
117	Ngô Thị Hồng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	023345742	1,2,3
118	Trần Thị Thúy Hằng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025740966	1,2,3

408 13.

12. Nghề Nề - Hoàn Thiện.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
119	Hoàng Văn Đông	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển xây dựng Đại Việt	068082000031	1,2
120	Nguyễn Đình Duy	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	212635602	1,2,3
121	Lê Quang Hòa	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	221181432	1,2,3

13. Quản trị Cơ sở dữ liệu.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
122	Nguyễn Văn Hiếu	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331710705	1,2,3
123	Nguyễn Ngọc Nga	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	341195881	1,2,3
124	Phan Thị Xuân Trang	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331373077	1,2,3

14. Quản trị mạng máy tính.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
125	Tạ Hữu Thính	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	024634691	1,2,3
126	Nguyễn Duy Phúc	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331260580	1,2,3
127	Lê Hoàng An	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331407168	1,2,3
128	Trần Thái Bảo	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331472712	1,2,3
129	Nguyễn Thị Hong Yến	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331621088	1,2,3

13.

15. Sửa chữa máy tàu thủy.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
130	Hà Văn Trọng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	330740039	1,2,3
131	Nguyễn Quang Tuyền	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331176959	1,2,3
132	Nguyễn Hoàng Anh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331540499	1,2,3
133	Nguyễn Văn Mẫn	Trường Cao đẳng nghề Số 9 - Quận khu 9	331537624	1,2,3

16. Nghề Sửa chữa máy thi công xây dựng.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
134	Hoàng Anh Thụy	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111501642	1,2
135	Trần Văn Hiệu	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	034066000758	1,2,3
136	Trần Minh Đức	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	001082010125	1,2,3
137	Nguyễn Công Khải	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331121238	1,2,3

17. Nghề Thí nghiệm và kiểm tra chất lượng cầu đường bộ.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
138	Trần Văn Chương	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	017170216	1,2,3
139	Lê Ngọc Chính	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111370006	1,2,3

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
140	Nguyễn An	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111818739	1,2,3
141	Trần Đức Toàn	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111666584	1,2,3
142	Phùng Kim Dưa	Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Bảo Kiêm	001082011617	1,2,3

18. Nghề Thiết kế đồ họa.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
143	Vũ Minh Yên	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	013371611	1,2,3
144	Vũ Đức Huy	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	012800289	1,2,3
145	Võ Văn Nhiên	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	320863348	1,2,3
146	Mai Phương Uyên	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025207179	1,2,3
147	Trần Thu Mai	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331483559	1,2,3
148	Trần Thị Tố Loan	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	321248886	1,2,3

18. Nghề Thú y.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
149	Tân Bích Phượng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	381284256	1,2,3
150	Trương Phúc Vinh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331351030	1,2,3

ph.

19. Nghề Vận hành máy thi công mặt đường.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
151	Đặng Minh Đức	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111259386	1,2,3
152	Hoàng Văn Vũ	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	017467778	1,2,3
153	Chu Đặng Quý	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	111782524	1,2,3
154	Nguyễn Kim Lưu	Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương I	112258938	1,2,3
155	Lê Mạnh Sơn	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Thiên Trường	111666554	1,2,3

20. Nghề Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
156	Nguyễn Xuân Bình	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	111437635	1,2,3
157	Nguyễn Ngọc Quý	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đào tạo và chuyên giao Công nghệ Cơ điện lạnh CNQ	013101709	1,2,3
158	Lâm Minh Dũng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331123967	1,2,3
159	Huỳnh Thanh Tuồng	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	381257741	1,2,3
160	Nguyễn Văn Bền	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	331501741	1,2,3
161	Lê Công Khanh	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long	311858764	1,2,3

 ph.

21. Nghề Xử lý nước thải công nghiệp.

STT	Họ và Tên	Đơn vị công tác	Căn cước công dân/ Chứng minh thư/ Hộ chiếu	Bậc trình độ kỹ năng
162	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	023237263	1,2,3
163	Lê Dương Trung Dũng	Trường Cao đẳng Kỹ nghệ II	025206369	1,2,3

ĐP 95

